TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 23/2019/QĐST-HNGĐ	*Nam Định ngày 05 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v:Yêu cầu công nhận Thuận tình ly hôn và nuôi con chung

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Vũ Thị Thu

Thư ký phiên họp: Ông Bùi Ngọc Quỳnh -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên họp: Bà Lưu Thị Nga-Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 18/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 về việc "Yêu cầu công nhận Thuận tình ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 80/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Chu Văn S; sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn N, xã Y, huyện Y, tỉnh N.

- Chị Hà Thị L; sinh năm 1976; địa chỉ tại Việt Nam trước khi xuất cảnh: Thôn N, xã Y, huyện Y, tỉnh N; hiện đang cư trú tại Cộng hòa Liên Bang Đức.

Tại phiên họp: Anh S có mặt. Vắng mặt chị L.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu công nhận Thuận tình ly hôn, tại bản tự khai anh Chu Văn S và chị Hà Thị L đều trình bày:

Anh, chị tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 02-8-1994 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh N. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu Tẫn, nguyên nhân do tính tình và quan điểm sống không hòa hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Khoảng năm 2014; năm 2015 chị L đi lao động và sinh sống tại Cộng hòa liên bang Đức, anh S sinh sống ở Việt Nam, khoảng cách địa lý xa nên vợ chồng ít liên lạc với nhau và không còn quan tâm đến nhau. Nay anh, chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên thống nhất đề nghị Tòa án tỉnh Nam Định công nhận Thuận tình ly hôn cho anh, chị.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Chu Viết X, sinh ngày 08-6-1995; cháu X đã trưởng thành có gia đình riêng và tự lập được cuộc sống của riêng mình nên không đề nghị Tòa án giải quyết, và Chu Thị Hồng T, sinh ngày 30-11-2001 vợ chồng ly hôn thỏa Thuận giao con chung là Chu Thị Hồng T cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung của vợ chồng: Không có, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp sơ thẩm: Anh S giữ nguyên quan điểm như trình bày tại bản tự khai và đơn yêu cầu công nhận Thuận tình ly hôn. Chị L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và giữ nguyên quan điểm tại bản tự khai và đơn yêu cầu công nhận Thuận tình ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến về giải quyết việc dân sự: Quá trình giải quyết việc dân sự, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Chị Hà Thị L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được chấp nhận. Về nội dung: Đề nghị căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận Thuận tình ly hôn giữa anh Chu Văn S và chị Hà Thị L. Về con chung: Công nhận sự thỏa Thuận của anh S và chị L là giao con chung Chu Thị Hồng T, sinh ngày 30-11-2001 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và công nợ chung của vợ chồng: Không có. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện của anh S nộp toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định nhận định:

[1] Tại phiên họp chị Hà Thị L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt là phù hợp với khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Chu Văn S và chị Hà Thị L tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 02-8-1994 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu Tẫn nguyên nhân do tính tình và quan điểm sống không hòa hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, đến nay cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và đều đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh S và chị L là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Chu Viết X, sinh ngày 08-6-1995 đã trưởng thành có gia đình riêng và tự lập được cuộc sống nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Đối với con chung là Chu Thị Hồng T, sinh ngày 30-11-2001 vợ chồng ly hôn anh S và chị L đều thống nhất giao con chung là cháu T cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thỏa thuận

việc nuôi con chung của anh S và chị L là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được công nhận

[4] Về tài sản và công nợ của vợ chồng chung: Không có nên đề nghị giải quyết.

[5] Về lệ phí sơ thẩm: Anh Chu Văn S tự nguyện nộp toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Chu Văn S và chị Hà Thị L.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh S và chị L là giao con chung Chu Thị Hồng T, sinh ngày 30-11-2001 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị L có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Chu Văn S tự nguyện nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được đối trừ với số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đồng mà anh S đã nộp theo biên lai T tiền số 0000923 ngày 25-4-2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nam Định. Anh S đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 05-6-2019.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Cục THA DS tỉnh Nam Định;
- UBND xã Yên Tân, huyện Ý Yên;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ việc.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN HỌP
Vũ Thị Thu
(Đã ký)